TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 518/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2020
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Lê Thị Chí

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1565/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Khắc H, sinh năm 1977; cư trú tại: Đường C, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*);

Bị đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1976; cư trú tại: Đường C, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Khắc H trình bày: Ông Lê Khắc H và bà Hà Thị H sống chung từ năm 1999 và ngày 13/11/2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, đôi bên phát sinh nhiều mẫu thuẫn, đỉnh điểm là vào năm 2015 cho đến nay. Vợ chồng và hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông H và bà H đã sống ly thân ba năm nay. Vào năm 2018, ông H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng ông đã rút đơn để đôi bên có thời gian suy nghĩ, đoàn tụ. Tuy nhiên

đôi bên vẫn không thể hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Hà Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông Lê Khắc H và bà Hà Thị H có ba (03) con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 07/8/1999 (đã trưởng thành), Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/11/2004 và Lê Thị Kim A, sinh ngày 30/8/2011. Khi ly hôn, ông H đồng ý giao trẻ Kim N và Kim A cho bà Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; hàng tháng ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hà Thị H trình bày: Bà H xác nhận lời khai của ông H về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi kết hôn và con chung.

Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không còn chung thủy, có người phụ nữ khác về gây gổ với vợ con. Bà và ông H đã sống ly thân lâu nay. Bà không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn gia đình.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/11/2004 và Lê Thị Kim A, sinh ngày 30/8/2011 và đồng ý ông H cấp dưỡng cho mỗi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị H; về con chung: Ông đồng ý để bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/11/2004 và Lê Thị Kim A, sinh ngày: 30/8/2011; hàng tháng ông H cấp dưỡng nuôi mỗi con là 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hà Thị H vẫn yêu cầu đoàn tụ nhưng nếu ly hôn thì bà đồng ý nuôi hai con là Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/11/2004 và Lê Thị Kim A, sinh ngày 30/8/2011 và đồng ý ông H cấp dưỡng cho mỗi con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Khắc H đối với bà Hà Thị H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình; bà Hà Thị H có hộ khẩu thường trú tại đường C, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 60, quyển số 01/2001 ngày 13/11/2001 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, thể hiện hôn nhân giữa ông Lê Khắc H và bà Hà Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.1 Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Khắc H:

Hội đồng xét xử xét thấy, ông H và bà H sau một thời gian chung sống luôn bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài, không có hạnh phúc. Qua các tài liệu chứng cứ, lời trình bày và thái độ trả lời của các đương sự tại phiên tòa, nhận thấy mục đích của hôn nhân giữa ông H, bà H không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, không cần thiết phải kéo dài thêm cuộc sống vợ chồng.

Mặc dù muốn đoàn tụ gia đình tuy nhiên qua các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay, bà H cũng đã thừa nhận, vợ chồng mâu thuẫn lâu nay, bà và ông H đã sống ly thân lâu nay, không còn ai quan tâm đến ai.

Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Khắc H đối với bà Hà Thị H.

2.2 Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số: 118, quyển số: 01/2001 ngày 17/12/2001, giấy khai sinh số: 161, quyển số: 01/2004 ngày 20/12/2004 của Ủy ban nhân dân xã xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương và giấy khai sinh số: 375, quyển số: 02/2011 ngày 06/10/2011 của Ủy ban nhân dân phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xác định, ông Lê Khắc H và bà Hà Thị H có ba người con chung là Lê Kim N, sinh năm 1999 (đã trưởng thành), Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/11/2004 và Lê Thị Kim A, sinh ngày 30/8/2011.

Xét độ tuổi, nguyện vọng của hai trẻ Lê Thị Kim N và Lê Thị Kim A và trong quá trình giải quyết vụ án, hai bên đã thỏa thuận bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Kim N và Lê Thị Kim A; hàng tháng ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái với pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Lê Thị Kim N và Lê Thị Kim A cho bà Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hàng tháng ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 5.000.000 đồng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lê Khắc H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Bà Hà Thị Hải có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Hiếu nếu ông Hiếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng không xem xét.

2.4 Về án phí:

- Ông Lê Khắc H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 150.000 đồng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, khoản 1 điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc H

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Khắc H được ly hôn với bà Hà Thị H Giấy chứng nhận kết hôn số: 60, quyển số 01/2001 ngày 13/11/2001 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương hết hiệu lực.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Hà Thị H là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/11/2004 và Lê Thị Kim A, sinh ngày 30/8/2011; hàng tháng ông Lê Khắc H cấp dưỡng cho mỗi con 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi hai con lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Lê Khắc H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không bị ai cản trở. Bà Hà Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H nếu ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Lê Khắc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng án phí cấp dưỡng; tổng cộng ông H phải chịu 450.000 (bốn trăm năm mươi ngàn) đồng

nhưng cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0025087 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; ông H còn phải nộp 150.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Đương sự;
- Cơ quan ĐKKH;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thành Phong